

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 3 – 2021

Về việc: “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 391/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bảo Giàu E, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 16, khóm Long Hưng 2, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 1, khóm Long Hưng 2, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Bảo Giàu E trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Giàu E và anh Huỳnh Minh T tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và đăng

ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01, ngày 22 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Huỳnh Minh T và Lê Thị Bảo Giàu E). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong vấn đề tình cảm, mâu thuẫn ngày càng gay gắt; chính thức không còn chung sống từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi không còn chung sống, chị Giàu E có khởi kiện xin ly hôn với anh T nhưng đã rút đơn để có thời gian vợ chồng đoàn tụ về sống chung lại với nhau nhưng anh T không sửa đổi tính tình nên chị Giàu E có khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T. Nay chị Giàu E nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và chị Giàu E yêu cầu ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con chung*: Chị Giàu E và anh T có 02 con chung tên Huỳnh Minh K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2012 và Huỳnh Nhật H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015. Hiện nay, cháu K đang sống cùng với anh T, cháu H đang sống cùng với chị Giàu E. Khi ly hôn, chị Giàu E yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H đến khi con thành niên và có khả năng lao động được và đồng ý giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng, chị Giàu E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị Giàu E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Huỳnh Minh T đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Lê Thị Bảo Giàu E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Huỳnh Minh T vắng mặt.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu*:

*Về thủ tục tố tụng*:

+ *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa*:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ *Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Nguyên đơn chị Lê Thị Bảo Giàu E đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Huỳnh Minh T đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh T vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không rõ lý do.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận chị Lê Thị Bảo Giàu E được ly hôn với anh Huỳnh Minh T; về con chung: Chị Giàu E và anh T có 02 con chung tên Huỳnh Minh K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2012 và Huỳnh Nhật H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015. Hiện nay, cháu K đang sống cùng với anh T, cháu H đang sống cùng với chị Giàu E. Chị Giàu E yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nhật H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015 và đồng ý giao cháu Huỳnh Minh K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2012 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng (cháu Huỳnh Minh K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2012 có nguyện vọng sống với cha là anh Huỳnh Minh T). Chị Giàu E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị HĐXX giao cháu Huỳnh Minh K cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K; giao cháu Huỳnh Nhật H cho chị Giàu E được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Giàu E không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị Giàu E và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, chị Lê Thị Bảo Giàu E chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Bảo Giàu E có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Minh T, anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, khóm Long Hưng 2, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Huỳnh Minh T đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàu E và anh T tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến vào năm 2010 có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Huỳnh Minh T và Lê Thị Bảo Giàu E. Tại thời điểm kết hôn chị Giàu E và anh T đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị Giàu E và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến và không còn chung sống nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay, chị Giàu E yêu cầu ly hôn với anh T.

Ngày 24/11/2020, qua xác minh ông Hà Thanh P (Trưởng khóm Long Hưng 2, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang) trình bày cho biết: Anh Huỳnh Minh T trong quá trình chung sống với chị Lê Thị Bảo Giàu E thì anh T không chăm lo đến vợ, con dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau.

Ngày 18/3/2020, chị Nguyễn Thị Ngọc Y là Cán bộ Hội Phụ nữ khóm Long Hưng 2, phường Long Sơn thị xã Tân Châu cho biết: Chị Giàu E và anh T là vợ chồng, do tìm hiểu quen biết nhau dẫn đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân nào thì phía Hội Phụ nữ không biết, chị Y có nghe kể lại do anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con nên phát sinh mâu thuẫn với chị Giàu E và từ đó chị Giàu E về nhà cha, mẹ ruột sinh sống.

Chị Giàu E và anh T có 02 con chung tên Huỳnh Minh K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2012 và Huỳnh Nhật H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015. Hiện nay, cháu K đang sống cùng với anh T, cháu H đang sống cùng với chị Giàu E, anh T làm nghề tài xế xe, thu nhập ổn định có đủ điều kiện nuôi cháu K, cháu K hiện nay vẫn ăn học đầy đủ. Chị Giàu E làm thuê có thu nhập ổn định nuôi dưỡng cháu H.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị Giàu E và anh T phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm vợ chồng từ năm 2017 và không còn chung sống từ năm 2017 cho đến

nay. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và trong thời gian không còn chung sống, chị Giàu E có khởi kiện ly hôn với anh T nhưng chị Giàu E rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau, trong khoảng thời gian trên chị Giàu E và anh T không hàn gắn chung sống lại với nhau và nay chị Giàu E tiếp tục khởi kiện ly hôn. Anh T không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng và suốt thời gian Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh T không gửi tự khai trình bày ý kiến cũng không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện sự không quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị Giàu E. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Giàu E.

[3] Về nuôi con chung: Chị Giàu E và anh Tiến có 02 con chung tên Huỳnh Minh K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2012 đang sống chung với anh T; cháu Huỳnh Nhật H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015 đang sống chung với chị Giàu E. Khi ly hôn, chị Giàu E yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Nhật H và đồng ý giao cháu Huỳnh Minh K cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng (cháu Huỳnh Minh K có nguyện vọng sống với cha là anh Huỳnh Minh T). Chị Giàu E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Giàu E; Giao cháu Huỳnh Minh K cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Minh K; giao cháu Huỳnh Nhật H cho chị Giàu E được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Giàu E không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Giàu E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngược lại, anh Huỳnh Minh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Giàu E trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Bảo Giàu E trình bày, chị Giàu E và anh Huỳnh Minh T không có tài sản chung và nợ chung, chị Giàu E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị Giàu E và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Giàu E chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Bảo Giàu E được ly hôn anh Huỳnh Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21 quyển số 01, ngày 22 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Huỳnh Minh T và Lê Thị Bảo Giàu E không còn giá trị pháp lý.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Huỳnh Minh K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2012 cho anh Huỳnh Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động được; giao cháu Huỳnh Nhật H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015 cho chị Lê Thị Bảo Giàu E được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động được. Chị Lê Thị Bảo Giàu E không yêu cầu anh Huỳnh Minh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Giàu E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngược lại, anh Huỳnh Minh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Giàu E trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nếu sau này giữa chị Lê Thị Bảo Giàu E và anh Huỳnh Minh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Thị Bảo Giàu E chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005466 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Chị Giàu E đã nộp đủ án phí, anh T không phải chịu án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Dãm**